

Số 03/2024/QĐST-DS

Hoàng Su Phì, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DSTC, ngày 08/11/2023. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tại Quyết định số 2665/QĐ - NHN_o-PC của Ngân hàng N: ông Nguyễn Hải N - Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh H

Bị đơn: Bà Tống Thị Kim Thủy N. Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ 04, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Căn cước công dân số 008173000540, cấp ngày 28/3/2021.

Ông Hoàng Đức H; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ 04, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Căn cước công dân số 002075006131, cấp ngày 16/3/2022.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Đức H: Bà Tống Thị Kim Thủy N. Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ 04, thị trấn V, huyện H, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm trả số tiền nợ cho Ngân hàng :

Ông Hoàng Đức H, bà Tống Thị Kim Thủy N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-202001013, ngày

10/11/2020 với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 05/9/2024 là 486.486.016đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn không trăm mười sáu đồng).

Trong đó dư nợ gốc là 309.300.000đ (ba trăm linh chín triệu ba trăm nghìn đồng). Lãi là 177.186.016đ (một trăm bảy mươi bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm mười sáu đồng) bao gồm: Lãi trong hạn là 9.828.740đ (chín triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); lãi quá hạn là 165.657.483đ (một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng); lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn là: 1.699.793 đ (một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng).

Ngoài ra, ông H, bà N phải trả khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi ông H, bà N trả xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng, lãi suất được tính theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-202001013, ngày 10/11/2020.

2.2 Về phương thức, thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi cụ thể như sau:

Về nợ gốc: ông Hoàng Đức H, bà Tống Thị Kim Thủy N phải trả nợ gốc là 309.300.000đ (ba trăm linh chín triệu ba trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng N chia làm hai lần như sau:

Lần thứ nhất: Từ ngày 01/9/2024 đến ngày 30/9/2024, Bà Tống Thị Kim Thủy N, ông Hoàng Đức H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc là: 59.600.000 đồng (Năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024, Bà Tống Thị Kim Thủy N, ông Hoàng Đức H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc là: 249.700.000đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về nợ lãi: Tiền lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-202001013, ngày 10/11/2020 tính đến ngày 05/9/2024 là 177.186.016 (một trăm bảy mươi bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm mười sáu đồng) và số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 với mức lãi suất được tính theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-202001013, ngày 10/11/2020.

Thời gian ông H, bà N phải trả lãi: bắt đầu từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi ông H, bà N trả hết số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Phương thức trả nợ lãi tính theo tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời hạn chậm nhất là đến ngày 28 hằng tháng, Bà Tống Thị Kim Thủy N, ông Hoàng Đức H phải trả cho Ngân hàng N 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Nếu ông H, bà N vi phạm thời hạn trả nợ theo từng lần nêu trên thì được coi như vi phạm thỏa thuận và Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ còn lại. Ông H, bà N có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thi hành án để xử lý tài sản thế chấp.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1072, ngày 30/5/2018 là: thửa đất số 23a tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại khu 2 (tổ 02) thị trấn V, huyện H, tỉnh H, diện tích 32,5m², mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị (ODT) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Đức H và bà Tống Kim N do

UBND huyện Hoàng Su Phì cấp ngày 25/10/2007. Sau đó có đăng ký thay đổi tên gọi từ bà Tống Kim N thành bà Tống Thị Kim Thủy N theo đơn đăng ký số 41 quyền số 01 ngày 28/02/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hoàng Su Phì. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở gồm 01 ngôi nhà có kết cấu xây kiên cố 03 tầng.

Trong trường hợp ông H, bà N thanh toán xong các khoản nợ nêu trên đúng cam kết thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản cho ông H, bà N để ông H, bà N xóa thế chấp theo quy định.

2.3 Về án phí: Ông Hoàng Đức H, bà Tống Thị Kim Thủy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Số tiền là 11.729.720đ (mười một triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Ngân hàng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004351, ngày 08/11/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- CCTHADS huyện Hoàng Su Phì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Khuyên